

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**COÃNG HOÀ XÃ HOÃI CHUÕ NGHÓA VIỄT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2023/DS-ST

Ngày: 06-9-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Trần Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Quang T, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C ..

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền ngày 23/02/2023). (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Minh G, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 8, thị t, huyện P, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Ngọc M (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 8, thị t, huyện P, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2023 của ông Phan Quang T, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Do quen biết nên ông Phan Quang T có cho ông Trần Ngọc M mượn số tiền 280.000.000 đồng, ngày 09 tháng 11 năm 2022, ông Trần Minh G là người ký tên xác nhận vào giấy xác nhận nợ và ông G cam kết có nghĩa vụ thanh toán cho ông T. Từ khi nhận nợ đến nay, ông G không thanh toán tiền cho ông T mặc dù ông T đã yêu cầu nhiều lần. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh G và ông Trần Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền nợ là 280.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 09/11/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Minh G trình bày: Ông thừa nhận ông có bảo lãnh cho ông Trần Ngọc M trả nợ ông Phan Quang T số tiền 280.000.000 đồng. Ông cho rằng số tiền nợ trên là tiền ông M vay của ông T, ông không rõ lãi suất. Ông Phan Quang T khởi kiện yêu cầu ông trả tiền 280.000.000 đồng, ông đồng ý nhưng yêu cầu trả dần.

- Bị đơn ông Trần Ngọc M đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng ông M vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của ông Phan Quang T.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Minh G trả cho ông Phan Quang T số tiền vay là 280.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Ngọc M liên đới trả cho ông Trần Minh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Việc ông Phan Quang T khởi kiện ông Trần Minh G yêu cầu trả tiền nợ vay. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông G là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Ngọc M được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối ông Trần Ngọc M.

- Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa ông Phan Quang T với ông Trần Minh G và ông Trần Ngọc M là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ông Phan Quang T yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Minh G và ông Trần Ngọc M trả cho ông số tiền nợ là 280.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, quá trình giải quyết vụ án, ông T cung cấp cho Tòa giấy xác nhận nợ ngày 09/11/2022, ông G có ký tên vào biên nhận nợ. Nội dung biên nhận, ông G có mượn của ông T số tiền 280.000.000 đồng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/9/2023 và tại phiên tòa, ông Trần Minh G thừa nhận con ông là ông Trần Ngọc M có vay của ông Phan Quang T số tiền là 280.000.000 đồng, giấy xác nhận nợ ngày 09/11/2022 là do ông ký, ông thống nhất trả tiền cho ông Phan Quang T. Căn cứ khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa ông Phan Quang T và ông Trần Minh G là thực tế có xảy ra.

[2.2]. Đối với yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Trần Minh G thừa nhận số tiền ông M thiếu ông T là tiền vay có lãi suất, nhưng ông không rõ lãi suất bao nhiêu. Ông Phan Quang T yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Tại biên nhận nợ ngày 09/11/2022 cũng không quy định mức lãi suất. Tại phiên tòa, các bên đương sự đều thừa nhận là tiền vay có lãi suất nhưng không thống nhất mức lãi suất cụ thể. Hội đồng xét xử xét thấy, do các bên không quy định mức lãi suất nên áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi suất. Lãi suất của số tiền 280.000.000 đồng tính từ ngày 09/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/9/2023) là 09 tháng 27 ngày = 23.071.233 đồng.

Tổng cộng tiền vốn và lãi là: 303.071.233 đồng.

Đối với ông Trần Ngọc M Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M không có ý kiến gì về việc yêu cầu của ông T và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của ông T do đó ông M tự chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa.

[2.3] Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc M có nghĩa vụ liên đới cùng ông Trần Minh G để thanh toán nợ cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho tòa cũng không có chứng cứ nào để chứng minh cho việc ông M có vay tiền của ông T. Tại giấy nhận nợ ngày 09/11/2022 có nội dung ông G có mượn tiền của ông Phan Quang T số tiền 280.000.000 đồng, không có nội dung ông G nhận nợ thay cho ông M. Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A, thừa nhận việc vay mượn giữa ông Phan Quang T và ông Trần Ngọc M không có làm hợp đồng vay và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Trần Ngọc M có vay tiền của ông Phan Quang T nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Trần Ngọc M có nghĩa vụ liên đới cùng ông Trần Minh G trả cho ông Phan Quang T số tiền 280.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phan Quang T, buộc ông Trần Minh G có nghĩa vụ trả cho ông Phan Quang T số tiền vốn và lãi là: 303.071.233 đồng.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quang T nên ông T không phải chịu án phí. Ông Trần Minh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quang T. Buộc ông Trần Minh G có nghĩa vụ trả cho ông Phan Quang T số tiền nợ vay là 303.071.233 đồng. Trong đó tiền vốn 280.000.000 đồng, tiền lãi 23.071.233 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quang T buộc ông Trần Ngọc M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vay 280.000.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Quang T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0018785 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, ông T được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Trần Minh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.153.562 đồng. Ông Trần Minh G là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông G được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bình